

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14-3-2023

*“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình ly hôn”.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Thơ

Bà Bùi Thị Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết Nga - Thư ký Tòa án ND thành phố Cao Lãnh.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2022/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2022, về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Số 315, đường T, Tổ 1, Ấp 1, xã M, thành phố C, tỉnh Đ.

Bị đơn: Bùi Thị Ngọc L, sinh năm 1994 (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Văn T trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L kết hôn với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn số 80, ngày 29/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố C, tỉnh Đ.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng về sau vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong sinh hoạt, không có tiếng nói chung. Hiện nay, vợ chồng ly thân từ năm 2014 đến nay. Thời gian ly thân, vợ chồng có tìm cách hàn gắn nhưng không được nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị L.

Con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Bùi Thị Ngọc L: Chị L không gửi (nộp) văn bản ý kiến cho Tòa án và không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không có mặt tại các phiên tòa xét xử của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của anh T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn. Chị L có địa chỉ cư trú tại thành phố C, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố C tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị L nhưng chị L không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời không có mặt tại các phiên tòa. Anh T đồng ý việc xét xử vắng mặt chị L tại phiên tòa theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Ngọc L được xác lập vào năm 2011, do anh T tự nguyện và thừa nhận, có đăng ký kết hôn ngày 29/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố C, tỉnh Đ nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tại phiên tòa, anh T cương quyết yêu cầu được ly hôn với chị L. Chị L không có mặt tại phiên tòa và không có ý kiến về quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án có thông báo cho chị L, yêu cầu chị L trình bày về quan hệ hôn nhân nhưng chị L vẫn không gửi (nộp) ý kiến cho Tòa án.

Xét thấy, anh T và chị L có nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T, anh T được ly hôn với chị Bùi Thị Ngọc L, theo Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét con chung: Anh T trình bày vợ chồng không có con chung; Chị L không có ý kiến về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét tài sản chung và nợ chung: Anh T trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung; Chị Bùi Thị Ngọc L không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Bùi Thị Ngọc L.

Con chung, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0011866 ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Như vậy, anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Bùi Thị Ngọc L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Bùi Thị Ngọc L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Chi cục THADS TPCL;
- Đương sự;
- UBND xã M, thành phố C, tỉnh Đ.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Liên